



QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ NGÂN HÀNG

Mã số: QC.BM.026

Hà Nội, tháng 6/2022



MỤC LỤC

Chương I	4
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Mục đích	4
Điều 2. Phạm vi áp dụng	4
Điều 3. Các nguyên tắc quản trị cơ bản.....	4
Điều 4. Cơ cấu quản trị Ngân hàng	4
Điều 5. Giải thích từ ngữ	4
Chương II	5
TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	5
Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp	5
Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 9. Thẻ thức biểu quyết thông qua các nội dung của cuộc họp.....	6
Điều 10. Thông báo kết quả kiểm phiếu	7
Điều 11. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	7
Điều 12. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	7
Điều 13. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 14. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	8
Chương III	10
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	10
Điều 15. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	10
Điều 16. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị.....	10
Điều 17. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	11
Điều 18. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	11
Điều 19. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	11
Điều 20. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	12
Điều 21. Các cuộc họp Hội đồng quản trị	12
Điều 22. Thông báo họp Hội đồng quản trị.....	14
Điều 23. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	14
Điều 24. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị	14
Điều 25. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị	14
Điều 26. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị.....	15
Điều 27. Thành lập và hoạt động của các Ủy ban/Hội đồng thuộc Hội đồng quản trị	15
Chương IV	15
ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN	15
Điều 28. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên	15
Chương V	16
NGƯỜI ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG	16
Điều 29. Các tiêu chuẩn của người điều hành Ngân hàng	16

Điều 30.	Việc bổ nhiệm Người điều hành Ngân hàng	17
Điều 31.	Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Ngân hàng	17
Chương VI.	17
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC		
Điều 32.	Nguyên tắc phối hợp.....	17
Điều 33.	Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.....	17
Điều 34.	Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc	18
Điều 35.	Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.....	19
Chương VII	19
ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA NGÂN HÀNG		
Điều 36.	Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Người điều hành khác	19
Điều 37.	Tiêu chí đánh giá hoạt động	20
Điều 38.	Khen thưởng	20
Điều 39.	Kỷ luật	20
Chương VIII	20
Điều 40.	Người phụ trách quản trị Ngân hàng	20
Điều 41.	Các tiêu chuẩn đối với Người phụ trách quản trị Ngân hàng.....	21
Điều 42.	Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Ngân hàng	21
Chương IX	21
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH		
Điều 43.	Điều khoản thi hành.....	21

QUY CHẾ
QUẢN TRỊ NỘI BỘ NGÂN HÀNG

(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ... ngày 18/6/2022)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy định các nguyên tắc về quản trị ngân hàng đề:

- 1.1 Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB);
- 1.2 Đảm bảo NCB hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ của NCB và các quy định khác trong hoạt động kinh doanh ngân hàng.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Quy chế này được áp dụng đối với các bộ phận trong bộ máy tổ chức của Ngân hàng TMCP Quốc Dân được quy định tại Điều lệ NCB, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận liên quan.

Điều 3. Các nguyên tắc quản trị cơ bản

- 3.1. Tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ của NCB.
- 3.2. Đảm bảo cơ chế quản trị hợp lý.
- 3.3. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- 3.4. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan.
- 3.5. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông.
- 3.6. Công khai minh bạch mọi hoạt động của NCB.

Điều 4. Cơ cấu quản trị Ngân hàng

Cơ cấu quản trị của NCB gồm có:

- 4.1. Đại hội đồng cổ đông;
- 4.2. Hội đồng quản trị;
- 4.3. Ban kiểm soát;
- 4.4. Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc.

Điều 5. Giải thích từ ngữ

- 5.1. Ngân hàng Nhà nước (NHNN) là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 5.2. Ngân hàng/NCB: Là Ngân hàng TMCP Quốc Dân.
- 5.3. Điều lệ Ngân hàng là Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua và đồng ý ký ban hành ngày 18/6/2022 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
- 5.4. Hội đồng quản trị (HĐQT): Là cơ quan quản lý Ngân hàng do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT sử

- dụng con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
- 5.5. Người quản lý Ngân hàng bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác do Điều lệ Ngân hàng quy định (nếu có).
 - 5.6. Người điều hành Ngân hàng bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Khối/Trưởng Ban/Giám đốc Trung tâm/Chánh Văn phòng tại Hội sở (bao gồm cả Quyền Giám đốc/Quyền Trưởng Ban/Quyền Chánh Văn phòng hoặc Cấp phó phụ trách Chi nhánh/Khối/Ban/Trung Tâm/Văn phòng đó) và các chức danh tương đương khác (nếu có) và các chức danh điều hành khác do Điều lệ Ngân hàng quy định.
 - 5.7. Người phụ trách quản trị công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ.
 - 5.8. Thành viên HĐQT độc lập là thành viên HĐQT đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
 - 5.9. Cổ đông lớn của Ngân hàng là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 05% (năm phần trăm) cổ phiếu có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng.
 - 5.10. Các từ hoặc thuật ngữ khác đã được định nghĩa trong Điều lệ của Ngân hàng cũng có nghĩa tương tự như trong Quy chế này.

Chương II

TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp

- 6.1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
- 6.2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp, số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
- 6.3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc tính từ ngày thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ. Cụ thể như sau:

- 7.1. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông mà cổ đông đăng ký trước với Ngân hàng và đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng;
- 7.2. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp;
- 7.3. Kèm theo thông báo mời họp phải có chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu sử

dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

- 7.4. Các tài liệu họp có thể được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng thay vì gửi kèm theo thông báo mời họp. Trong trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

- 8.1. Cổ đông và người được ủy quyền dự họp có thể xác nhận việc tham dự họp Đại hội đồng cổ đông như sau;
- a) Trường hợp họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp:
 - i) Đăng ký dự họp vào ngày khai mạc cuộc họp tại địa điểm và thời gian theo thông báo mời họp; hoặc
 - ii) Gửi giấy xác nhận tham dự họp đến Ngân hàng;
 - b) Trường hợp họp Đại hội đồng cổ đông thông qua hội nghị trực tuyến (*hội nghị trực tuyến được hiểu là một cuộc họp trong đó các thành viên tham dự họp không có mặt ở cùng một địa điểm nhưng gần như ngay tức thì có thể nghe, nói, nhìn thấy nhau bằng việc ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại thông qua môi trường Internet nhằm giảm chi phí và thời gian tổ chức so với các cuộc họp trực tiếp*) hoặc kết hợp trực tuyến và trực tiếp hoặc các hình thức điện tử khác:
 - i) Gửi giấy xác nhận tham dự họp đến Ngân hàng; hoặc
 - ii) Xác nhận tham dự họp qua fax, thư điện tử hoặc hình thức khác được ghi trên thông báo mời họp và/hoặc các tài liệu, văn bản hướng dẫn do Hội đồng quản trị ban hành trong từng thời kỳ.
- 8.2. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Khoản 31.4 Điều 31 Điều lệ Ngân hàng thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- 8.3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền phải được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Số lượng người được ủy quyền tương ứng với cổ phần của cá nhân, tổ chức thực hiện theo quy định tại Khoản 37.5 Điều 37 Điều lệ Ngân hàng. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

Điều 9. Thê thức biểu quyết thông qua các nội dung của cuộc họp

- 9.1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ngân hàng sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp, trên đó có ghi số đăng ký, tên của cổ đông và người đại diện ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu số thẻ biểu quyết tán thành một quyết định, sau đó thu số thẻ biểu quyết không tán thành quyết định đó, và sau đó kiểm tổng số phiếu biểu quyết. Kết quả kiểm phiếu tán thành một vấn đề, không tán thành một vấn đề, hoặc không có ý kiến sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Một thẻ biểu quyết có thể được thiết kế dùng để biểu quyết cho nhiều vấn đề.
- 9.2. Việc biểu quyết cũng có thể tiến hành bằng cách giơ tay nếu được ĐHQĐ nhất trí, khi đó người chịu trách nhiệm kiểm phiếu sẽ căn cứ danh sách các cổ đông dự họp và số

phiếu được ủy quyền để xác định tổng số phiếu được biểu quyết. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì chủ tọa sẽ chọn những người đó.

- 9.3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký.
- 9.4. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
- 9.5. Trường hợp Ngân hàng áp dụng công nghệ để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Ngân hàng có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, phát biểu ý kiến và biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Cụ thể:
 - a) Hội đồng Quản trị có quyền quyết định tổ chức cuộc họp đại hội cổ đông theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp phù hợp với kỹ thuật công nghệ của Ngân hàng tại thời điểm tổ chức cuộc họp thay vì tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tiếp trong các trường hợp như chiến tranh, khủng bố, bạo động, tình trạng khẩn cấp quốc gia, rối loạn công cộng, đình công, bệnh dịch, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, thiên tai, giãn cách xã hội, hạn chế đi lại/các sự kiện có tính chất tương tự và/hoặc các trường hợp khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
 - b) Trình tự, thủ tục và các quy định khác về Họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng và/hoặc các quy định nội bộ khác của Ngân hàng.

Điều 10. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu từng vấn đề làm việc của Đại hội đồng cổ đông được trường ban kiểm phiếu báo cho chủ tọa cuộc họp/Người điều hành biểu quyết đọc tại cuộc họp.

Điều 11. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Ngân hàng hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Ngân hàng có quyền yêu cầu Ngân hàng mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Ngân hàng mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Ngân hàng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại Điều này.

Điều 12. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 12.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, hai biên bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt. Biên bản này phải thể hiện rõ các nội dung quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các diễn biến của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 12.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

- 12.3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông hoặc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.
- 12.4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

Điều 13. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng hoặc thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 14. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

14.1. Quy trình lấy ý kiến bằng văn bản

- a) Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng, trừ trường hợp quy định tại Khoản 14.2 Điều này.
- b) Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng cổ đông hoặc gửi fax/thư điện tử/phương thức điện tử khác. Trường hợp lấy ý kiến thông qua gửi fax/thư điện tử/phương thức điện tử khác thì thể thức, quy trình thực hiện và các vấn đề khác có liên quan được thực hiện theo quy định của Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ. Dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định có thể đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng thay vì gửi kèm theo Phiếu lấy ý kiến. Trường hợp này, phiếu lấy ý kiến cổ đông phải ghi rõ nơi, cách thức tài tài liệu.
- c) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng;
 - ii) Mục đích lấy ý kiến;
 - iii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp, số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - v) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - vi) Thời hạn phải gửi về Ngân hàng phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền ký Phiếu lấy ý kiến;
- d) Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Ngân hàng theo một trong các hình thức sau đây:
 - i) Gửi thư đến địa chỉ của Ngân hàng. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng phải

được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- ii) Gửi fax, thư điện tử hoặc phương thức điện tử khác. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- e) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử, hình thức điện tử khác là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
- f) Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân hàng. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng;
 - ii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - iii) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - iv) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - v) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - vi) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền và của người giám sát kiểm phiếu, người kiểm phiếu.

Trường hợp việc kiểm phiếu được thực hiện bằng các phương thức điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại thì thể thức, quy trình thực hiện và các vấn đề khác có liên quan được thực hiện theo quy định của Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ.

- g) Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
 - h) Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông hoặc đăng tải lên trang thông tin điện tử chính thức của Ngân hàng trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Tất cả các Nghị quyết và quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức này phải được gửi tới NHNN.
 - i) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.
 - j) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 14.2. Các trường hợp Đại hội đồng cổ đông không được thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản
- a) Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;
 - b) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan;
 - c) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây

thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;

- d) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- 15.1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 46.1 Điều 46 Điều lệ Ngân hàng;
- 15.2. Có đạo đức nghề nghiệp.
- 15.3. Có bằng đại học trở lên và có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.
- 15.4. Không được làm thành viên Hội đồng quản trị quá 05 công ty.
- 15.5. Đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập, ngoài những tiêu chuẩn, điều kiện nêu tại khoản 15.1, 15.2, 15.3 và 15.4 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập như sau:
- a) Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng trong 03 (ba) năm liền kề trước đó;
- b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản phụ cấp thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn của Ngân hàng, Người quản lý của Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng;
- d) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;
- e) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó.
- 15.6. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.

Điều 16. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

- 16.1. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp theo quy định pháp luật và quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.
- 16.2. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

- 16.3. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 17. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

- 17.1. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm các chức danh này. Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị phải thuộc danh sách đã được NHNN chấp thuận.
- 17.2. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo nguyên tắc sau:
- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
 - Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Ngân hàng.

Điều 18. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

- 18.1. Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, khó khăn trong nhận thức hoặc làm chủ hành vi.
- 18.2. Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị của Ngân hàng.
- 18.3. Không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
- 18.4. Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 15 Quy chế này.
- 18.5. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập.
- 18.6. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và pháp luật liên quan.
- 18.7. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân về các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.
- 18.8. Chức danh đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y sẽ đương nhiên hết hiệu lực khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Ngân hàng.

Điều 19. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

- 19.1. Ngân hàng phải thông báo cho NHNN danh sách những người được bầu thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày bầu.
- 19.2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị của Ngân hàng có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.

Điều 20. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Việc giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị phải thỏa mãn điều kiện và tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 15 Quy chế này và điều kiện, tiêu chuẩn được quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

Điều 21. Các cuộc họp Hội đồng quản trị

- 21.1. Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
- 21.2. HĐQT họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp định kỳ hoặc bất thường. HĐQT có thể họp tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc ở nơi khác do HĐQT quyết định.
- 21.3. Cuộc họp của HĐQT do Chủ tịch HĐQT triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
- 21.4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có đề nghị của:
 - a) Thành viên độc lập HĐQT hoặc ít nhất 02 (hai) thành viên HĐQT;
 - b) Trưởng Ban kiểm soát hoặc đa số thành viên Ban kiểm soát;
 - c) Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
 - d) Giám đốc Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- 21.5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 21.4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.
- 21.6. Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên HĐQT (và các cán bộ quản lý, chuyên gia khác nếu được mời) có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết. Thành viên HĐQT có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra cuộc họp để HĐQT quyết định sẽ không được tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên HĐQT khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
- 21.7. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên HĐQT có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên HĐQT khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng thư, fax, thư điện tử. Thành viên HĐQT cũng được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên HĐQT dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. Người được ủy quyền phải cam kết bảo mật thông tin và thành viên HĐQT chấp thuận cho người được ủy quyền tham dự cuộc họp phải chịu trách nhiệm bảo mật thông tin nội dung họp đối với người được ủy quyền.
- 21.8. Biểu quyết:
 - a) Mỗi thành viên HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp HĐQT;
 - b) Thành viên HĐQT có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra HĐQT quyết định

- sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên HĐQT khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó;
- c) Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên HĐQT và những nghi ngờ đó không được thành viên HĐQT đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên HĐQT có liên quan đó chưa được biết rõ;
 - d) Bất kỳ thành viên HĐQT nào có liên quan đến một hợp đồng ký với doanh nghiệp có liên quan tới thành viên HĐQT đó theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp hoặc theo quy định tại Khoản 26.1 Điều 26 Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị của NCB sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.
- 21.9. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên HĐQT nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng dự kiến, một thỏa thuận dự kiến giao kết với Ngân hàng phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp HĐQT, tại đây HĐQT sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không, nếu sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo tại cuộc họp HĐQT gần nhất sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.
- 21.10. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 21.7 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến như videoconference, teleconference... hoặc hình thức tương tự khác;
 - d) Gửi ý kiến/phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- 21.11. HĐQT quyết định tổ chức cuộc họp HĐQT theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp phù hợp với kỹ thuật công nghệ của Ngân hàng tại thời điểm tổ chức cuộc họp thay vì tổ chức cuộc họp HĐQT theo hình thức trực tiếp.
- Thể thức, điều kiện và các vấn đề có liên quan đến việc áp dụng công nghệ thông tin để họp HĐQT theo quy định tại Khoản này và/hoặc hình thức bỏ phiếu điện tử tại cuộc họp HĐQT và/hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử do HĐQT quyết định phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng.
- 21.12. Biểu quyết đa số: Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số các thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết bỏ phiếu tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt).

Điều 22. Thông báo họp Hội đồng quản trị

Khi triệu tập họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên; Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết phải họp khẩn cấp hoặc có đề nghị của đa số thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp có thể tổ chức ngay sau khi gửi thông báo mời họp; các tài liệu có liên quan có thể được gửi cho các thành viên ngay tại cuộc họp.

Điều 23. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 24. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

- 24.1. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
- 24.2. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị của người chủ tọa cuộc họp.
- 24.3. Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra cuộc họp để Hội đồng quản trị quyết định sẽ không được tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

Điều 25. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

- 25.1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng;
 - b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c) Thời gian, địa điểm họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này (trừ điểm i) thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp và Hội đồng Quản trị cử một thành viên Hội đồng Quản trị ký ban hành Nghị quyết Hội đồng Quản trị.
- 25.2. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.
- 25.3. Sau khi cuộc họp kết thúc, Thư ký cuộc họp soạn thảo, trình Chủ tịch HĐQT ký Nghị quyết phiên họp/ Thông báo chỉ đạo triển khai Nghị quyết HĐQT (một Nghị quyết chung hoặc các Nghị quyết về từng vấn đề) gửi cho các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát để thực hiện, giám sát, đồng thời lưu giữ tại Bộ phận Thư ký giúp việc cho HĐQT và Văn phòng của Ngân hàng.
- 25.4. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì biên bản được lập bằng tiếng Việt có giá trị áp dụng.
- 25.5. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

Điều 26. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị

Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

Điều 27. Thành lập và hoạt động của các Ủy ban/Hội đồng thuộc Hội đồng quản trị

- 27.1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các Ủy ban/Hội đồng để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng và theo quy định pháp luật. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy ban/Hội đồng này do Hội đồng quản trị quy định phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- 27.2. Việc thành lập và hoạt động của các Ủy ban/Hội đồng thuộc Hội đồng quản trị gồm các nội dung sau:
- a) Các Ủy ban/Hội đồng thuộc Hội đồng quản trị;
 - b) Cơ cấu của các Ủy ban/Hội đồng;
 - c) Tiêu chuẩn thành viên của Ủy ban/Hội đồng, trường Ủy ban/Hội đồng;
 - d) Việc thành lập Ủy ban/Hội đồng;
 - e) Trách nhiệm của các Ủy ban/Hội đồng và từng thành viên.

Chương IV

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 28. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

- 28.1. Không thuộc đối tượng không được đảm nhiệm chức vụ, không cùng đảm nhiệm chức vụ

quy định tại Điều 46, Điều 47 Điều lệ Ngân hàng.

- 28.2. Có đạo đức nghề nghiệp
- 28.3. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán.
- 28.4. Không phải là người có liên quan của người quản lý của Ngân hàng.
- 28.5. Không phải là người quản lý Ngân hàng;
- 28.6. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý của Ngân hàng; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Ngân hàng;
- 28.7. Thành viên chuyên trách của Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
- 28.8. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Ngân hàng.
- 28.9. Các vấn đề khác liên quan đến việc ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Ban kiểm soát gồm các nội dung sau:
 - a) Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ của Ngân hàng;
 - b) Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát được quy định chi tiết tại Điều lệ Ngân hàng;
 - c) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát và thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát được quy định tại Điều 50 Điều lệ Ngân hàng.
- 28.10. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật.

Chương V

NGƯỜI ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG

Điều 29. Các tiêu chuẩn của người điều hành Ngân hàng

29.1. Tổng Giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc các đối tượng không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 46.1 Điều 46 Điều lệ của Ngân hàng;
- b) Có đạo đức nghề nghiệp;
- c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật;
- d) Có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
- e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
- f) Không được là người có quan hệ gia đình của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên của Ngân hàng; người đại diện phần vốn của doanh

ngiệp tại Ngân hàng;

- g) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật.

29.2. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh tương đương phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 46.2 Điều 46 của Điều lệ Ngân hàng; đối với Phó Tổng giám đốc không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 46.1 Điều 46 của Điều lệ Ngân hàng;
- b) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có bằng đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;
- c) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

Điều 30. Việc bổ nhiệm Người điều hành Ngân hàng

- 30.1. Việc bổ nhiệm Người điều hành theo quy định tại Điều 29 Quy chế này được tiến hành theo quy định bộ phận của Hội đồng quản trị của Ngân hàng.
- 30.2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên Hội đồng quản trị làm Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng Giám đốc.
- 30.3. Danh sách dự kiến người được bầu, bổ nhiệm Tổng Giám đốc phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm chức danh này. Người được bầu, bổ nhiệm làm Tổng giám đốc phải thuộc danh sách đã được NHNN chấp thuận.

Điều 31. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Ngân hàng

- 31.1. Ngân hàng phải thông báo cho NHNN danh sách người được bầu, bổ nhiệm Tổng giám đốc trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.
- 31.2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với chức danh Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị của Ngân hàng có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.

Chương VI

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 32. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc phối hợp hoạt động theo các nguyên tắc sau:

- 32.1. Luôn vì lợi ích chung của Ngân hàng;
- 32.2. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật có liên quan và của Ngân hàng;
- 32.3. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi cùng nhau tháo gỡ vướng mắc, khó khăn (nếu có).

Điều 33. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

- 33.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi có đề nghị

- của đa số thành viên Ban kiểm soát. Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- 33.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 33.1 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
 - 33.3. Khi triệu tập họp Hội đồng quản trị, người triệu tập phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên; Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng. Trường hợp khẩn cấp, người triệu tập họp có thể thông báo mời họp một ngày làm việc trước ngày họp; các tài liệu có liên quan có thể được gửi cho các thành viên ngay tại cuộc họp. Cụ thể về các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp khẩn cấp được thực hiện theo quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.
 - 33.4. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
 - 33.5. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết.
 - 33.6. Ban kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật các TCTD và Điều lệ của Ngân hàng.
 - 33.7. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
 - 33.8. Các nghị quyết và biên bản họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
 - 33.9. Thành viên Ban kiểm soát được quyền tiếp cận, yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
 - 33.10. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện Người quản lý Ngân hàng có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có.

Điều 34. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

- 34.1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
- 34.2. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- 34.3. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc đề báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính.
- 34.4. Báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động và kết quả kinh doanh của Ngân hàng.
- 34.5. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ngân hàng trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.

- 34.6. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của Điều lệ Ngân hàng. Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- 34.7. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 34.6 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 34.8. Khi triệu tập họp Hội đồng quản trị, người triệu tập phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên; Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng. Trường hợp khẩn cấp, người triệu tập họp có thể thông báo mời họp một ngày làm việc trước ngày họp; các tài liệu có liên quan có thể được gửi cho các thành viên ngay tại cuộc họp. Cụ thể về các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp khẩn cấp được thực hiện theo quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.
- 34.9. Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết.

Điều 35. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

- 35.1. Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của Ban kiểm soát trong hoạt động điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng.
- 35.2. Báo cáo Ban kiểm soát về hoạt động và kết quả kinh doanh của Ngân hàng.
- 35.3. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- 35.4. Tổng giám đốc phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Chương VII

ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA NGÂN HÀNG

Điều 36. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Người điều hành khác

- 36.1. Tùy thuộc vào quyết định của Hội đồng quản trị, việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Người điều hành khác có thể được thực hiện theo một hoặc một số cách thức sau đây:
- Tự nhận xét đánh giá;
 - Đánh giá hoạt động định kỳ 06 tháng;

- c) Đánh giá hoạt động hàng năm được tiến hành vào dịp cuối năm;
 - d) Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm đột xuất;
 - e) Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.
- 36.2. Hội đồng quản trị sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác do Hội đồng quản trị bầu, bổ nhiệm.
- 36.3. Ban kiểm soát sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của thành viên Ban kiểm soát.

Điều 37. Tiêu chí đánh giá hoạt động

Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác bao gồm:

- 37.1. Kết quả thực hiện công việc được giao bao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc của cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của đơn vị;
- 37.2. Phẩm chất đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ của Ngân hàng, chủ trương, chính sách của Ngân hàng và quy định của pháp luật;
- 37.3. Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tính trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm;
- 37.4. Khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý công việc;
- 37.5. Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị với các đơn vị khác và mức độ tín nhiệm với nhân viên.

Điều 38. Khen thưởng

- 38.1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có thành tích trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của pháp luật và Ngân hàng.
- 38.2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo Quy định thi đua khen thưởng của Ngân hàng tại từng thời kỳ.

Điều 39. Kỷ luật

- 39.1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định khác có liên quan của pháp luật, Điều lệ của Ngân hàng và các quy định khác có liên quan của Ngân hàng, tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và quy định của Ngân hàng.
- 39.2. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo Quy định khen thưởng, kỷ luật của Ngân hàng tại từng thời kỳ.

Chương VIII

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 40. Người phụ trách quản trị Ngân hàng

- 40.1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Ngân hàng để hỗ trợ hoạt động quản trị của Ngân hàng được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

40.2. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng khi cần nhưng không được trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

Điều 41. Các tiêu chuẩn đối với Người phụ trách quản trị Ngân hàng

- 41.1. Có hiểu biết pháp luật.
- 41.2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng.
- 41.3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Ngân hàng và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Ngân hàng

Ngoài các quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Ngân hàng được quy định trong Điều lệ của Ngân hàng (nếu có) thì Người phụ trách quản trị Ngân hàng còn có các quyền và nghĩa vụ như sau:

- 42.1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
- 42.2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- 42.3. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;
- 42.4. Tham dự các cuộc họp;
- 42.5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
- 42.6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- 42.7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng;
- 42.8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- 42.9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
- 42.10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Điều khoản thi hành

- 43.1. Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 18/06/2022
Quy chế này thay thế Quy chế quản trị nội bộ ngân hàng, mã số QC.BM.026 ban hành ngày 26/04/2021
- 43.2. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa quy định của Quy chế này với quy định của Điều lệ NCB về cùng một vấn đề thì quy định của Điều lệ NCB sẽ được ưu tiên áp dụng.
- 43.3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT quyết định và phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- 43.4. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Quy chế này, sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của Pháp luật và quy định khác của NCB. Khi có những nội dung nào trong Quy chế này trái với quy định của Pháp luật, thì đương nhiên hết hiệu lực.
- 43.5. Các Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Giám đốc các Ngân hàng chuyên doanh; Giám

đọc các Khối nghiệp vụ; Giám đốc Sở Giao dịch và các Chi nhánh và các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Nơi nhận:

- TV HĐQT, BKS;
- TGD, các PTGD;
- Khối/Ban/Trung tâm HO;
- Các CN;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



CHỦ TỊCH HĐQT

Bùi Thị Thanh Hương